Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9017.10.90

Mã HS	9017.10.90
Mô tả hàng hóa	Dụng cụ vẽ, vạch mức dấu hoặc dụng cụ tính toán toán học (ví dụ, máy vẽ phác, máy vẽ truyền, thước đo góc, bộ đồ vẽ, thước logarit, bàn tính dùng đĩa); dụng cụ đo chiều dài, dùng tay (ví dụ, thước thanh và thước dây, thước micromet, thước cặp), chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác trong Chương này / - Bảng và máy vẽ phác, tự động hoặc không tự động: / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	04/11/2026 10:02:37
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90171090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18059
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18059
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18059
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17372
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17301
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17301
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17301
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17301
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17301
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17301
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17357
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17357
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17357
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17357

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17357
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17357
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17358
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17358
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17358
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17358
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17358
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17358
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17363
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17319
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17315
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17315
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17315
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17315
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17315
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17315
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17361
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17361
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17361
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17361
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17361
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17361
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17423
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17423
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17423
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17423

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17423
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17423
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D17399
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E17399
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F17399
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G17399
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H17399
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I17399
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17394
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17394
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17394
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17394
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17394
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17394
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17424
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17424
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17424
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17424
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17424
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17424
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17423
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17423
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17423
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17423
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17423
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17423

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17517
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17517
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17517
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17517
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17517
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17517
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17517
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17386
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17386
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17386
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17386
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17386
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17386
RCEP B	2022	2022	0	B!D17386
RCEP B	2023	2023	0	B!E17386
RCEP B	2024	2024	0	B!F17386
RCEP B	2025	2025	0	B!G17386
RCEP B	2026	2026	0	B!H17386
RCEP B	2027	2027	0	B!I17386
RCEP C	2022	2022	0	C!D17384
RCEP C	2023	2023	0	C!E17384
RCEP C	2024	2024	0	C!F17384
RCEP C	2025	2025	0	C!G17384
RCEP C	2026	2026	0	C!H17384
RCEP C	2027	2027	0	C!I17384
RCEP D	2022	2022	0	D!D17383

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17383
RCEP D	2024	2024	0	D!F17383
RCEP D	2025	2025	0	D!G17383
RCEP D	2026	2026	0	D!H17383
RCEP D	2027	2027	0	D!I17383
RCEP E	2022	2022	0	E!D17387
RCEP E	2023	2023	0	E!E17387
RCEP E	2024	2024	0	E!F17387
RCEP E	2025	2025	0	E!G17387
RCEP E	2026	2026	0	E!H17387
RCEP E	2027	2027	0	E!I17387
RCEP F	2022	2022	0	F!D17386
RCEP F	2023	2023	0	F!E17386
RCEP F	2024	2024	0	F!F17386
RCEP F	2025	2025	0	F!G17386
RCEP F	2026	2026	0	F!H17386
RCEP F	2027	2027	0	F!I17386
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16301
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16301
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16301
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16301

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9017.10 có 2 dòng thuế; dòng 9017.10.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	9017.10.10 Máy vẽ (Plotters)	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9017.10.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9017.10.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18059), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.